

SỞ GD&ĐT CÀ MAU
TRƯỜNG THPT PHAN NGỌC HIỂN
(Đề có ... trang)

KIỂM TRA CUỐI KỲ 2 - NĂM HỌC 2020 - 2021
MÔN ĐỊA LÍ - 12
 Thời gian làm bài: 45 phút; (Đề có 40 câu)

Mã đề 113

Câu 1: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết Việt Nam có giá trị xuất khẩu hàng hóa trên 6 tỉ đô la Mỹ với quốc gia nào sau đây?

- A. Hoa Kỳ. B. Liên Bang Nga.
 C. Ôxtrâyliia. D. Trung Quốc.

Câu 2: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết vùng nào sau đây không có trung tâm du lịch cấp quốc gia?

- A. Tây Nguyên. B. Đồng bằng Sông Hồng.
 C. Bắc Trung Bộ. D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 3: Ý nào sau đây không đúng với khu vực kinh tế Nhà nước?

- A. Giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế.
 B. Quản lí các ngành và lĩnh vực kinh tế then chốt.
 C. Tỷ trọng ngày càng tăng trong cơ cấu GDP.
 D. Tỷ trọng trong cơ cấu GDP ngày càng giảm.

Câu 4: Trong điều kiện nền kinh tế của nước ta hiện nay, với số dân đông và gia tăng nhanh sẽ

- A. thuận lợi phát triển các ngành kinh tế.
 B. có nguồn lao động dồi dào, đời sống người dân sẽ cải thiện.
 C. góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.
 D. làm tài nguyên thiên nhiên bị khai thác quá mức.

Câu 5: Khó khăn đối với việc nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm cây công nghiệp, cây ăn quả, cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ không phải là

- A. hiện tượng rét đậm, rét hại, sương muối.
 B. mạng lưới cơ sở chế biến nông sản.
 C. tình trạng thiếu nước về mùa đông.
 D. kinh nghiệm trồng và chế biến của người dân.

Câu 6: Cho bảng số liệu sau:

Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế nước ta (Đơn vị: %)

Thành phần kinh tế	2005	2007	2010	2012
Nhà nước	24,9	19,9	19,2	16,9
Ngoài Nhà nước	31,3	35,4	38,8	35,9
Có vốn đầu tư nước ngoài	43,8	44,7	42,0	47,2

Nhận xét nào sau đây **đúng** với bảng số liệu trên?

- A. Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ổn định.
 B. Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp có sự thay đổi.
 C. Thành phần kinh tế ngoài Nhà nước giảm liên tục.
 D. Thành phần kinh tế Nhà nước có xu hướng tăng.

Câu 7: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết nhà máy nhiệt điện nào sau

đây có quy mô trên 1000MW?

- A. Ninh Bình. B. Bà Rịa. C. Phú Mỹ. D. Thủ Đức.

Câu 8: Ý nào sau đây không đúng với ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta?

- A. Có nguồn lao động dồi dào. B. Đem lại hiệu quả kinh tế cao.
C. Có thể mạnh lâu dài. D. Thúc đẩy các ngành khác phát triển.

Câu 9: Điều kiện nào sau đây của vùng biển nước ta thuận lợi để phát triển giao thông vận tải biển?

- A. Vùng biển tiếp giáp với các nước Đông Nam Á.
B. Nằm gần các tuyến hàng hải trên biển Đông.
C. Các hệ sinh thái ven biển rất đa dạng và giàu có.
D. Có nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp.

Câu 10: Ngành công nghiệp nào dưới đây là ngành công nghiệp trọng điểm?

- A. Năng lượng. B. Khai thác, chế biến lâm sản.
C. Đóng tàu, ô tô. D. Luyện kim.

Câu 11: Thế mạnh đặc biệt trong việc phát triển cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là do

- A. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh. B. đất feralit trên đá phiến, đá vôi có diện tích lớn.
C. nguồn nước tưới đảm bảo quanh năm. D. có nhiều giống cây trồng cận nhiệt và ôn đới.

Câu 12: Trong quá trình chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế, vùng công nghiệp mạnh nhất nước ta là

- A. Đông Nam Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng.
C. Trung du và miền núi Bắc Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 13: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, các trung tâm du lịch có ý nghĩa vùng của Trung du và Miền núi Bắc Bộ là

- A. Hạ Long và Lạng Sơn. B. Hạ Long và Điện Biên Phủ.
C. Hạ Long và Thái Nguyên. D. Thái Nguyên và Việt Trì.

Câu 14: Việc phát triển thủy điện sẽ tạo ra động lực mới cho sự phát triển của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, nhất là lĩnh vực

- A. khai thác và chế biến khoáng sản. B. khai thác và chế biến thủy hải sản.
C. chế biến lương thực, cây công nghiệp. D. khai thác và chế biến lâm sản.

Câu 15: Loại đất chiếm phần lớn diện tích của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. đất phù sa cổ. B. đất feralit trên đá vôi.
C. đất đồi. D. đất mùn pha cát.

Câu 16: Ý nào sau đây không đúng với ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta?

- A. Đem lại hiệu quả kinh tế cao. B. Thúc đẩy các ngành khác phát triển.
C. Có thể mạnh lâu dài. D. Có nguồn lao động dồi dào.

Câu 17: Căn cứ vào Atlas ĐLVN trang 24, hãy cho biết thị trường xuất khẩu lớn nhất của nước ta hiện nay là các quốc gia nào sau đây?

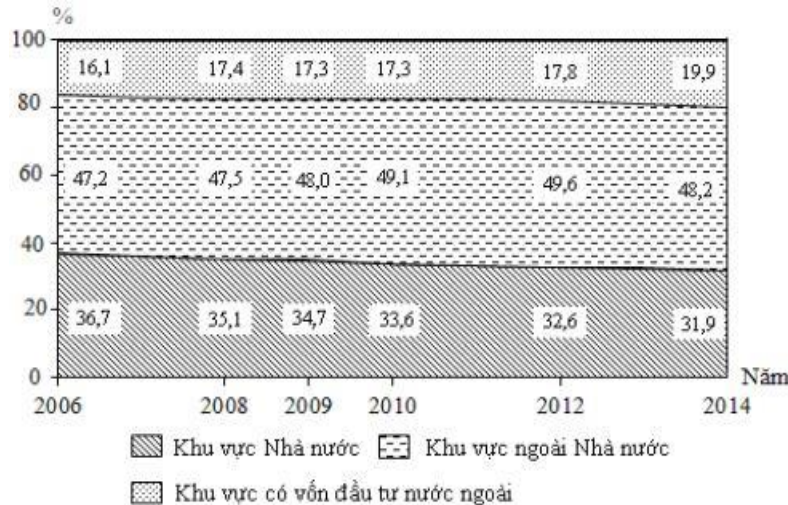
- A. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc. B. Ấn Độ, Nhật Bản, Canada.
C. Singapore, Ba Lan, Hàn Quốc. D. Liên Bang Nga, Pháp, Hoa Kỳ.

Câu 18: Ngành công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm của nước ta phát triển mạnh ở những nơi có

- A. cơ sở vật chất - kĩ thuật tốt nhất.
 B. vị trí nằm trong các trung tâm công nghiệp lớn.
 C. nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú.
 D. mạng lưới giao thông vận tải phát triển.

Câu 19: Cho biểu đồ:

GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2006 - 2014



Cho biết biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây là đúng nhất về GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2006 - 2014?

- A. Chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2006 - 2014.
 B. Quy mô GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2006 - 2014.
 C. Giá trị GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2006 - 2014.
 D. Tốc độ tăng trưởng GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2006 - 2014.

Câu 20: Đẩy mạnh phát triển công nghiệp ở trung du và miền núi nhằm mục đích nào sau đây ?

- A. Phát huy truyền thống sản xuất của dân miền núi.
 B. Tăng tỉ lệ dân thành thị trong cơ cấu dân số.
 C. Phân bố lại dân cư, lao động giữa các vùng.
 D. Hạ tỉ lệ tăng dân ở khu vực này.

Câu 21: Khu vực có mức độ tập trung công nghiệp vào loại *cao nhất* trong cả nước là

- A. đồng bằng sông Cửu Long.
 B. dọc theo duyên hải miền Trung.
 C. Bắc Bộ, đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận.
 D. Nam Bộ.

Câu 22: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, trong giá trị sản xuất của công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng năm 2007 ngành chiếm tỉ trọng lớn nhất là

- A. da, giày.
 B. giấy, in, văn phòng phẩm.
 C. lương thực.
 D. dệt, may.

Câu 23: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam, cho biết tỉnh nào sau đây *không* thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Tuyên Quang.
 B. Hà Giang.
 C. Hải Dương.
 D. Thái Nguyên.

Câu 24: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết vùng nào sau đây có đến hai di sản văn hóa thế giới ?

A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

C. Duyên hải Nam Trung Bộ.

B. Bắc Trung Bộ.

D. Đồng bằng Sông Hồng.

Câu 25: Ngành du lịch thật sự phát triển từ sau năm 1990 cho đến nay là nhờ

A. quy hoạch các vùng du lịch.

B. phát triển các điểm du lịch.

C. chính sách Đổi mới của Nhà nước.

D. nước ta giàu tiềm năng phát triển du lịch.

Câu 26: Khó khăn lớn nhất trong việc khai thác khoáng sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A. địa hình dốc, giao thông khó khăn.

B. đòi hỏi chi phí đầu tư lớn và công nghệ cao.

C. khí hậu diễn biến thất thường.

D. khoáng sản phân bố rải rác.

Câu 27: Ở nước ta, ngành công nghiệp nào sau đây cần ưu tiên đi trước một bước?

A. Sản xuất hàng tiêu dùng.

B. Điện lực.

C. Chế biến nông - lâm - thủy sản.

D. Chế biến dầu khí.

Câu 28: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết 2 trung tâm công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm có quy mô rất lớn ở nước ta là

A. Hà Nội, Hải Phòng.

B. Hà Nội, Cần Thơ.

C. Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh.

D. Hà Nội, Đà Nẵng.

Câu 29: Căn cứ vào Atlas ĐLVN trang 28, cho biết quốc lộ số 1 không đi ngang qua tỉnh nào sau đây?

A. Bình Thuận.

B. Quảng Nam.

C. Khánh Hoà.

D. Gia Lai.

Câu 30: Hai di sản thiên nhiên thế giới ở Việt Nam là

A. phố cổ Hội An và di tích Mỹ Sơn.

B. vịnh Hạ Long và Phong Nha - Kẻ Bàng.

C. bãi đá cổ Sa Pa và thành nhà Hồ.

D. vườn quốc gia Cúc Phương và đảo Cát Bà.

Câu 31: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết mặt hàng có tỉ trọng giá trị nhập khẩu lớn nhất của nước ta năm 2007 là

A. công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.

B. nguyên, nhiên, vật liệu.

C. hàng tiêu dùng.

D. máy móc, thiết bị, phụ tùng.

Câu 32: Một trong những thế mạnh về nông nghiệp của Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A. chăn nuôi gia cầm.

B. cây trồng ngắn ngày.

C. nuôi thủy sản.

D. chăn nuôi gia súc lớn.

Câu 33: Các nhà máy nhiệt điện chạy bằng than không phát triển ở phía Nam chủ yếu là do

A. gây ô nhiễm môi trường.

B. xây dựng đòi hỏi vốn lớn hơn.

C. ít nhu cầu về điện hơn phía Bắc.

D. xa các nguồn nhiên liệu than.

Câu 34: Tiềm năng thủy điện lớn nhất của nước ta tập trung trên hệ thống sông nào sau đây?

A. Sông Hồng.

B. Sông Đồng Nai.

C. Sông Mã.

D. Sông Thái

Bình.

Câu 35: Sau Đổi mới, hoạt động buôn bán của nước ta ngày càng mở rộng theo hướng

A. đa dạng hoá, đa phương hoá thị trường.

B. chú trọng vào thị trường Nga và Đông Âu.

C. chủ yếu tập trung vào thị trường Trung Quốc.

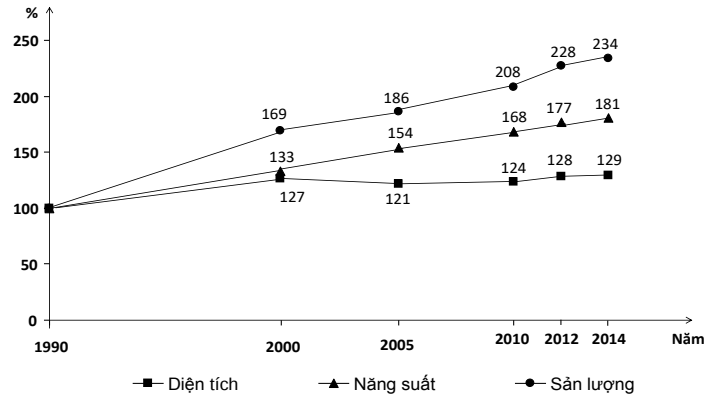
D. chủ yếu tập trung vào thị trường Đông

Nam Á.

Câu 36: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết trung tâm công nghiệp Hải Phòng không có ngành sản xuất nào sau đây?

- A. Chế biến chè, cà phê. B. Chế biến thủy hải sản.
C. Chế biến lương thực. D. Chế biến sản phẩm chăn nuôi.

Câu 37: Cho biểu đồ:



TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG DIỆN TÍCH, NĂNG SUẤT VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CẢ NĂM CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1990 - 2014

Căn cứ vào biểu đồ, nhận xét nào dưới đây **đúng** về tình hình sản xuất lúa của nước ta trong giai đoạn 1990 - 2014?

- A. Sản lượng lúa cả năm của nước ta tăng trưởng bấp bênh.
B. Năng suất lúa cả năm của nước ta tăng liên tục.
C. Năng suất và sản lượng lúa tăng nhanh, diện tích giảm.
D. Diện tích lúa cả năm ở nước ta có xu hướng tăng liên tục.

Câu 38: Cho bảng số liệu:

Tốc độ tăng trưởng diện tích gieo trồng một số cây hàng năm, giai đoạn 2005 - 2013

(Đơn vị: %)

Năm	Lúa	Ngô	Đậu tương
2005	100	100	100
2007	98,4	106,1	101,0
2010	100,7	103,4	134,6
2013	101,8	101,2	98,0

Biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích gieo trồng một số cây hàng năm, giai đoạn 2005 - 2013?

- A. cột. B. miền. C. kết hợp. D. đường.

Câu 39: Trung du và miền núi Bắc Bộ có kiểu khí hậu đặc trưng là

- A. cận xích đạo, mùa hạ có mưa phùn. B. nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông ẩm.
C. cận nhiệt đới gió mùa, có mùa đông lạnh. D. nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh.

Câu 40: Trong cơ cấu sản lượng điện của nước ta hiện nay, tỉ trọng lớn nhất thuộc về

- A. nhiệt điện, thủy điện. B. thủy điện, điện gió.
C. nhiệt điện, điện gió. D. thủy điện, điện nguyên tử.

----- HẾT -----

SỞ GD&ĐT CÀ MAU
TRƯỜNG THPT PHAN NGỌC HIỂN

KIỂM TRA CUỐI KỲ 2
ĐÁP ÁN MÔN ĐỊA LÍ – 12C

Phần đáp án câu trắc nghiệm:

Mã đề Câu	113	212	314	415
1	A	C	B	A
2	A	D	B	B
3	C	B	C	C
4	D	C	D	B
5	D	D	A	D
6	B	B	C	C
7	C	D	C	A
8	A	C	D	A
9	B	A	B	C
10	A	B	C	D
11	A	B	A	D
12	A	D	D	D
13	A	A	A	C
14	A	B	D	C
15	B	B	B	A
16	D	D	C	C
17	A	A	D	B
18	C	D	C	D
19	A	B	C	C
20	C	A	A	A
21	C	B	A	B
22	D	B	B	D
23	C	A	A	B
24	C	B	B	D
25	C	C	B	C
26	B	A	B	D
27	B	A	B	A
28	C	B	D	A
29	D	B	C	A



30	B	D	D	D
31	B	B	A	B
32	D	B	C	B
33	D	B	C	B
34	A	D	A	A
35	A	D	C	B
36	A	D	D	A
37	B	A	D	C
38	D	A	B	B
39	D	A	A	B
40	A	C	C	C



vndoc